

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-PT

Ngày 31 - 7 - 2025

V/v *Tranh chấp đòi và chia tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà

Ông Ngô Thế Tương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Phạm Văn Nhất
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc *Tranh chấp đòi và chia tài sản*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh Hưng Yên) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn L, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc Á**, sinh năm 1953.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là thôn H, xã L, tỉnh Hưng Yên).

- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ C, thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là tổ C, thôn T, phường H, thành phố Đà Nẵng).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mạc .

(Bà M có mặt, những người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Yêu cầu khởi kiện và trình bày của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M:**

Bố mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Xuân S (chết năm 2022) và cụ Nguyễn Thị T1 (chết năm 2018) có 03 con là bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị M và Nguyễn Thị T. Do cụ S được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên khi cụ S chết thì người thân được lĩnh tiền trợ cấp mai táng phí số tiền 14.900.000 đồng. Thời điểm sau khi cụ mất, ba chị em bà có tranh chấp với nhau về quyền thừa kế tài sản của hai cụ để lại nên đã nhờ ông Á là anh con bác ruột giữ hộ số tiền trên. Sau đó chị em bà thống nhất được với nhau thực hiện theo di chúc ngày 29/11/2017 về tài sản của bố mẹ để lại, chị em và bà là người trông nom tài sản của hai cụ và lo hậu sự cho hai cụ, bà X có ký vào giấy thỏa thuận này. Thỏa thuận xong, bà có nguyện vọng nhận lại số tiền do ông Á giữ hộ để sửa chữa mộ phần cho bố mẹ và anh trai bà nhưng bà đòi nhiều lần mà ông Á không trả cho bà. Vì số tiền mai táng phí là tài sản của bố bà nên bà đề nghị HĐXX tuyên buộc ông Á phải trả cho 03 chị em bà số tiền 14.900.000 đồng và chia đều cho ba bà để bà lo xây mộ phần cho hai cụ và anh trai bà.

Đối với yêu cầu độc lập của bà X yêu cầu Tòa án buộc ông Á phải trả bà X số tiền mai táng phí của bố bà là 14.900.000 đồng với lý do bà X là người lo ma chay cho bố bà thì phải được sử dụng: bà không nhất trí vì theo di chúc ngày 29/11/2017 bố bà giao cho bà là người trông nom tài sản của hai cụ và lo hậu sự cho hai cụ nhưng khi hai cụ chết bà ở xa nên bà X là người ở nhà trực tiếp lo ma chay cho bố bà, là bà X tự làm, chị em bà không giao cho bà X. Vì bà X có yêu cầu độc lập và nhận bà X đã lo ma chay cho bố bà nên bà yêu cầu Tòa án buộc bà X phải thanh toán trả cho bà 20.000.000 đồng là tiền cổ quan tài dùng để mai táng cho bố bà mà bà đã mua cho bố bà trước đó. Bà xác định khi bà X là người lo đám ma cho bố bà, bà và bà T không đóng góp gì thêm cùng bà X, bà có viếng bố số tiền 2.000.000 đồng, bà T viếng bố số tiền 500.000 đồng.

*** Bị đơn - ông Nguyễn Ngọc Á trình bày:**

Ông là anh họ, con bác ruột bà X và bà M. Vào năm 2022, do bà X và bà M có mâu thuẫn với nhau nên nhờ ông giữ hộ số tiền mai táng phí của cụ

Nguyễn Xuân S là bố đẻ của bà X, bà M và bà T số tiền 14.900.000 đồng, thống nhất khi nào chị em bà X, bà M nhất trí với nhau thì ông trả lại số tiền ông giữ hộ. Ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị X trình bày:**

Bố mẹ đẻ bà là cụ Nguyễn Xuân S (chết năm 2022) và cụ Nguyễn Thị T1 (chết năm 2018). Bố mẹ bà có 03 con chung như bà M trình bày là đúng. Khi còn sống, hai cụ có để lại di chúc hay không thì bà không biết, sau này bà M có nói hai cụ có để lại di chúc ngày 29/11/2017 thì bà mới được biết. Khi bố bà còn sống, 02 năm cuối đời bà là người trực tiếp chăm sóc cho bố. Khi bố bà chết, bà trực tiếp lo ma chay cho bố hết số tiền 50.016.000 đồng bao gồm: tiền thuê kèn 6.000.000 đồng; thuê trống 4.000.000 đồng; tiền thực phẩm (thịt, giò, chả) hết 10.794.000 đồng; tiền trầu cau 300.000 đồng; tiền chè thuốc 500.000 đồng; tiền chè để khâm niệm 500.000 đồng; tiền nén, hương bánh kẹo 1.400.000 đồng; tiền rau, hành, mắm, muối 3.500.000 đồng; tiền tạ Cha xứ hành lễ 1.500.000 đồng; tiền xin lễ nhà thờ 1.000.000 đồng; tiền tạ đến xóm 500.000 đồng; tiền ban ca tang lễ 500.000 đồng; tiền nước ngọt 2.420.000 đồng; tiền thuê nhà rạp 3.900.000 đồng; tiền hoa và trang trí 2.842.000 đồng; tiền hoa bàn thờ làm lễ 500.000 đồng; tổng bằng 40.656.000 đồng. Tiền chi phí xây mộ (bên công giáo khi chết xây mộ mai táng vĩnh viễn) gồm tiền gạch 2.000.000 đồng; tiền đá 100.000 đồng; tiền cát vàng 210.000 đồng; tiền xi măng 810.000 đồng; tiền sắt 670.000 đồng; tiền công thợ 5.000.000 đồng; tổng 9.360.000 đồng. Tổng số tiền lo ma chay và xây mộ là 50.016.000 đồng. Số tiền phúng viếng của bà T và bà M thì hai bà đã cầm để lo trả nghĩa chỗ quan hệ của hai bà, bà T và bà M không góp số tiền nào cùng bà để lo ma chay cho bố; số tiền phúng viếng được 31.470.000 đồng. Sau khi đối trừ đi số tiền phải chi thì vẫn thiếu 18.546.000 đồng.

Sau khi bố bà chết, bố bà được tặng thưởng Huy chương kháng chiến nên được hưởng chế độ mai táng phí là 14.900.000 đồng. Vì thời gian này ba chị em bà đang có tranh chấp với nhau về quyền thừa kế tài sản của bố mẹ để lại nên ba chị em có nhờ ông Á là anh con bác ruột giữ hộ số tiền trên, hiện nay bà được biết ông Á vẫn giữ hộ số tiền này nên bà M khởi kiện yêu cầu ông Á trả tiền cho ba chị em bà và chia đều cho 3 bà số tiền trên, bà không nhất trí vì bà là người trực tiếp lo ma chay cho bố nên số tiền mai táng phí bà phải được sử dụng. Bà yêu cầu Tòa án tuyên bố ông Á phải trả cho bà số tiền này. Bà M cho rằng căn cứ vào bản di chúc ngày 29/11/2017 mà bố mẹ bà để lại với nội dung là bà M là người có trách nhiệm lo hậu sự cho bố mẹ, tuy nhiên bà M ở xa không lo việc ma chay cho bố nên bà phải lo, vì vậy bà phải là người được hưởng số tiền mai táng phí của cụ S. Bà M yêu cầu bà phải trả cho bà M tiền trị giá cổ quan tài

20.000.000 đồng mà bà M đã cho rằng bà M đã mua cho bố bà trước đó và sử dụng để mai táng cho bố, bà không chấp nhận yêu cầu này của bà M, bà không biết việc bà M có mua hay không vì khi còn sống bố mẹ bà đã chuẩn bị sẵn hai cỗ quan tài cho mình để mai táng khi chết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà nhất trí với trình bày của bà M vì bà M là người được bố mẹ di chúc lại với nội dung bà M là người quản lý tài sản của bố mẹ và có trách nhiệm lo hậu sự cho bố mẹ.

*** Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh Hưng Yên):** đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 155 và 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Khoản 1 Điều 24 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc đòi ông Nguyễn Ngọc Á phải trả cho bà X, bà M và bà T số tiền 14.900.000 đồng và chia đều số tiền trên cho ba bà gồm bà X, bà M và bà T. Không chấp nhận yêu cầu của bà M về việc yêu cầu bà X phải thanh toán cho bà M trị giá cỗ quan tài là 20.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X, buộc ông Á phải trả cho bà X số tiền 14.900.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền thi hành án, lãi suất, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

*** Về kháng cáo:** Ngày 31/3/2025, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được Đơn kháng cáo đề ngày 22/3/2025 của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 19/6/2025, Tòa án cấp phúc thẩm nhận được Đơn kháng cáo (bổ sung) của bà M, nội dung bà M yêu cầu bà X phải trả cho bà M số tiền 20.000.000 đồng là tiền cỗ quan tài bà M đã mua để lo hậu sự cho cụ S. Bà M gửi kèm 01 Giấy xác nhận của bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1960, địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên (nay là thôn T, xã T, tỉnh Hưng Yên) xác nhận vào tháng 10/2017 bà có bán cho bà M 02 cỗ quan tài loại gỗ dổi trị giá 40.000.000 đồng, bà T2 có chở đến tận gia đình và giao cho cụ S để lo hậu sự cho cụ S, cụ T1, thời điểm đó bà M đã trả bà số tiền 40.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bà Mạc giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị M gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định, bà M đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa Bị đơn – ông Nguyễn Ngọc Á, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M:

Bố mẹ đẻ của bà M, bà X, bà T là cụ Nguyễn Xuân S và cụ Nguyễn Thị T1 (đều đã chết). Do cụ S là người được Nhà nước tặng thưởng H huy chương kháng chiến nên khi chết được Nhà nước cấp tiền mai táng phí với số tiền 14.900.000 đồng. Theo văn bản thỏa thuận ngày 26/12/2022, ông Á, bà M, bà X đã thống nhất thỏa thuận ủy quyền cho ông Á là anh con bác ruột lĩnh và giữ hộ tiền cho đến khi Tòa án giải quyết xong việc các bà tranh chấp thừa kế tài sản của cụ S thì ông Á sẽ trao trả lại.

Theo bà M trình bày: Tại Bản di chúc ngày 29/11/2017, cụ S và cụ T1 quyết định giao nhà, đất là tài sản của hai cụ cho bà M quản lý, trông nom khi hai cụ qua đời, đồng thời bà M phải có trách nhiệm chăm sóc hai cụ khi hai cụ còn sống và lo hậu sự cho hai cụ khi hai cụ chết. Tuy nhiên, khi cụ S chết vào năm 2022, bà M và bà T đều làm ăn sinh sống trong miền N nên thực tế người đứng ra chăm lo cho cụ S lúc ốm đau và lo liệu ma chay cho cụ S khi chết lại là bà X (Cả ba chị em đều xác nhận nội dung này). Số tiền bà X lo ma chay cho cụ S hết 50.016.000 đồng, số tiền phúng viếng được 31.470.000 đồng nên bà X phải tự bỏ tiền chi thêm 18.546.000 đồng. Riêng tiền phúng viếng của người

quen liên quan đến bà M, bà T đã được bà X trả lại cho bà M, bà T mà không dùng để chi phí cho đám tang. Xét thấy mục đích Nhà nước trợ cấp mai táng phí là để thực hiện việc mai táng cho người có công khi chết. Thực tế bà X là người đứng ra lo ma chay, làm mộ cho cụ S vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M nhưng chấp nhận yêu cầu độc lập của bà X, tuyên buộc ông Á trả cho bà X số tiền 14.900.000 đồng tiền mai táng phí của cụ S là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với việc bà M yêu cầu bà X phải trả cho bà M số tiền 20.000.000 đồng bà M đã mua quan tài để mai táng cho cụ S, bản án sơ thẩm nhận định vì bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận. HĐXX Phúc thẩm xét thấy: Tại cấp phúc thẩm, bà M kháng cáo bổ sung yêu cầu bà X phải trả bà trị giá cỗ quan tài bà mua để mai táng cụ S là 20.000.000 đồng, căn cứ chứng minh là 01 giấy xác nhận của người bán quan tài về việc vào tháng 10/2017 bà M mua 02 cỗ quan tài của người này với giá 40.000.000 đồng, người bán quan tài đã chở 02 cỗ quan tài đến nhà cụ S và giao cho cụ. Như vậy thời điểm bà M mua quan tài diễn ra trước khi cụ S lập di chúc (Di chúc lập ngày 29/11/2017). Có thể thấy do bà M có ý thức chuẩn bị, lo trước hậu sự cho các cụ nên trong di chúc, cụ S và cụ T1 quyết định giao nhà, đất là tài sản của hai cụ cho bà M quản lý, trông nom khi hai cụ qua đời, đồng thời bà M phải có trách nhiệm chăm sóc hai cụ khi hai cụ còn sống và lo hậu sự cho hai cụ khi hai cụ chết. Cụ S chết năm 2022 nên việc bà X dùng cỗ quan tài bà M mua sẵn từ 2017 để mai táng cho cụ S là thực hiện nghĩa vụ của bà M đối với cụ S theo di chúc. Lẽ ra theo di chúc, bà M phải lo hậu sự cho hai cụ, tuy nhiên bà M ở xa không về kịp thời để lo liệu ma chay cho cụ S, bà M thừa nhận bà X có chăm cụ S 01 năm cuối đời và là người lo ma chay khi cụ chết. Số tiền trợ cấp mai táng phí của cụ S là 14.900.000 đồng, tiền phúng viếng thu được là 31.470.000 đồng, tiền bà X bỏ ra lo ma chay cho cụ S là 50.016.000 đồng, như vậy bà X còn phải tự chi thêm 18.546.000 đồng. Hơn nữa trách nhiệm lo việc ma chay cho cha mẹ là trách nhiệm chung của con cái. Bà M và bà X đều là con của cụ S, bà M kháng cáo bổ sung đòi bà X phải trả bà 20.000.000 đồng giá trị tiền cỗ quan tài chôn cụ S là không thể chấp nhận được.

[3] Từ những phân tích, đánh giá trên đây, từ ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh Hưng Yên).

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mạc .

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2025/DS-ST ngày 18/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh Hưng Yên).

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà M đã nộp theo Biên lai thu số 0000699 ngày 24/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 tỉnh Hưng Yên) sang thi hành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 31/7/2025./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- TAND khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn